|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

* 1. **Lớp 10**

HƯỚNG DẪN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MÔN LỊCH SỬ

*(Kèm theo Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| 1 | Bài 5. Trung Quốc thời phong kiến | Mục 3. Trung Quốc thời Minh, Thanh | Chỉ nêu khái quát về chính trị thời Minh, Thanh |
| 2 | Bài 6. Các quốc gia Ấn và văn hóa truyền thống Ấn Độ | Mục 1. Thời kì các quốc gia đầu tiên | Không thực hiện |
| 3 | Bài 7. Sự phát triển lịch sử và nền văn hóa truyền thống Ấn Độ | Mục 1. Sự phát triển của lịch sử và văn  hóa truyền thống trên toàn lãnh thổ Ấn Độ | Không thực hiện |
| 4 | Bài 6 và Bài 7 | Cả 2 bài | - Tích hợp, cấu trúc những nội dung còn lại của 2 Bài 6 và Bài 7 thành chủ đề: Sự phát triển lịch sử và nền văn hóa truyền thống Ấn Độ   1. Vương triều Gúp-ta và sự phát triển văn hóa truyền thống Ấn Độ 2. Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn   - Chỉ giới thiệu khái quát về hoàn cảnh ra đời  và sự khác biệt về chính sách của hai vương triều và hướng dẫn học sinh lập bảng so sánh |
| 5 | Bài 9. Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào | Cả bài | Tập trung những sự kiện chính về sự hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia và  Vương quốc Lào |
| 6 | Bài 11. Tây Âu thời trung đại | Mục 2. Sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu | Khuyến khích học sinh tự đọc |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
|  |  | Mục 4. Cải cách tôn giáo và chiến tranh nông dân |  |
| 7 | Bài 12. Ôn tập lịch sử thế giới nguyên thủy, cổ đại và trung đại | Mục 2. Xã hội cổ đại | Không thực hiện |
| 8 | Bài 13. Việt Nam thời nguyên thủy | Cả bài | Nội dung bài tích hợp với bài 1 và bài 2 của Chương I. Xã hội nguyên thủy |
| 9 | Bài 15. Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc *(Từ thế kỉ II TCN đến*  *đầu thế kỉ X)* | Mục I. 2. Những chuyển biến về kinh tế, văn hóa và xã hội | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 10 | Bài 16. Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (Tiếp theo) | Mục II. 1. Khái quát phong trào đấu tranh từ thế kỉ I đến đầu thế kỉ X | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 11 | Bài 15 và Bài 16 | Cả 2 bài | Tích hợp, cấu trúc những nội dung còn lại của 2 bài, Bài 15 và Bài 16 thành chủ đề: Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc với các nội dung:   1. Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc 2. Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân ta từ thế kỉ I đến thế kỉ X |
| 12 | Bài 17. Quá trình hình thành và phát triển  của nhà nước phong kiến (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV) | Mục II. 1. Tổ chức bộ máy nhà nước | Chỉ giới thiệu khái quát nhưng tập trung vào tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông |
| 13 | Bài 18. Công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế trong các thế kỉ X - XV | Mục 4. Tình hình phân hóa xã hội và các cuộc đấu tranh của nông dân | Không thực hiện |
| 14 | Bài 21. Những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI - XVIII | Mục 3. Nhà nước phong kiến ở Đàng Ngoài  Mục 4. Chính quyền ở Đàng Trong | Không thực hiện  Không thực hiện |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| 15 | Bài 25. Tình hình chính trị kinh tế, văn hóa dưới triều Nguyễn *(nửa đầu thế kỉ XIX)* | Mục 2. Tình hình kinh tế và chính sách của nhà Nguyễn | Chỉ giới thiệu khái quát một số chính sách của nhà Nguyễn về kinh tế |
| 16 | Bài 27. Quá trình dựng nước và giữ nước. | Cả bài | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 17 | Bài 28. Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam thời phong kiến | Cả bài | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 18 | Bài 29. Cách mạng Hà Lan và cách mạng tư sản Anh | Mục 1. Cách mạng Hà Lan | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 19 | Bài 30. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ | Mục 2. Diễn biến chiến tranh và sự thành lập Hợp chúng quốc Mĩ | Hướng dẫn HS lập niên biểu những sự kiện chính |
| 20 | Bài 31. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII | Mục II. Tiến trình của cách mạng | Hướng dẫn HS lập niên biểu tiến trình cách mạng. Nhấn mạnh sự kiện ngày 14 - 7; “Tuyên  ngôn Nhân quyền và Dân quyền”; nền chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh |
| 21 | Bài 32. Cách mạng công nghiệp ở châu Âu | Mục II. Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 22 | Bài 33. Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ giữa thế lỉ XIX | Mục 1. Cuộc đấu tranh thống nhất nước Đức  Mục 2. Cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li- a | Tự học có hướng dẫn HS lập bảng so sánh hình thức của các cuộc cách mạng tư sản |
| 23 | Bài 34. Các nước tư bản chuyển sang giai  đoạn đế quốc chủ nghĩa | Mục 2. Sự hình thành các tổ chức độc  quyền | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 24 | Bài 35. Các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức Mĩ và sự bành trướng thuộc địa | Cả bài | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 25 | Bài 36. Sự hình thành và phát triển của phong trào công nhân | Mục 1. Sự ra đời và tình cảnh của giai cấp vô sản công nghiệp. Những cuộc đấu tranh đầu tiên | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 26 | Bài 38. Quốc tế thứ nhất và Công xã Pa ri | Mục I. Quốc tế thứ nhất | Chỉ giới thiệu nét chính về Quốc tế thứ nhất |
| 27 | Bài 39. Quốc tế thứ hai | Mục II. Quốc tế thứ hai | Khuyến khích học sinh tự đọc |

* 1. **Lớp 11**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| 1 | Bài 1. Nhật Bản | Mục 1. Nhật Bản từ đầu thế kỉ  XIX đến trước năm 1868. | Chỉ giới thiệu những nét chính về tình hình Nhật Bản |
| Mục 3. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. | * Tập trung vào quá trình chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa * Nội dung về đời sống nhân dân và Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản:   Đọc thêm |
| 2 | Bài 2. Ấn Độ | Mục 2. Cuộc khởi nghĩa Xipay  (1857 - 1859) | Không dạy |
| Mục 3. Đảng Quốc đại và phong  trào dân tộc (1885 - 1908) | Tập trung vào sự ra đời và hoạt động của Đảng Quốc đại |
| 3 | Bài 3. Trung Quốc | Mục 1. Trung Quốc bị các nước  đế quốc xâm lược | Không thực hiện |
| Mục 2. Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế  kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX | Hướng dẫn HS lập niên biểu |
| 4 | Bài 4. Các nước Đông Nam Á (cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX). | Mục 2. Phong trào chống thực  dân Hà Lan của nhân dân In-đô- nê-xi-a | Không dạy |
| Mục 3. Phong trào chống thực  dân Phi-lip-pin |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| 5 | Bài 6. Chiến tranh thế giới thứ  nhất (1914 - 1918). | Mục II. Diễn biến của chiến tranh | Hướng dẫn HS lập niên biểu những sự kiện chính |
| 6 | Bài 7. Những thành tựu văn hóa thời cận đại. | Mục 1. Sự phát triển của văn hóa trong buổi đầu thời cận đại Mục 2. Thành tựu của văn học, nghệ thuật từ đầu thế kỉ XIX  đến đầu thế kỉ XX | Hướng dẫn HS lập niên biểu thành tựu nghệ thuật và tư tưởng |
| Mục 3. Trào lưu tư tưởng tiến bộ và sự ra đời, phát triển của CNXH khoa học từ giữa thế kỷ  XIX đến đầu thế kỷ XX | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 7 | Bài 9. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 -  1921). | Mục II. Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 8 | Bài 10. Liên Xô xây dựng chủ  nghĩa xã hội (1921 - 1941). | Mục II. Công cuộc xây dựng  CNXH ở Liên Xô (1925 - 1941) | Tập tập trung vào những thành tựu tiêu biểu |
| 9 | Bài 11. Tình hình các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh (1918 – 1939) | Mục 2. Cao trào cách mạng 1918 -1923 ở các nước tư bản.  Quốc tế Cộng sản | Không dạy |
| Mục 3. Khủng hoảng kinh tế  1929 – 1933 và hậu quả của nó | Tích hợp kiến thức về hậu quả của khủng hoảng kinh tế ở Đức,  Mĩ, Nhật Bản trong các bài 12, 13, 14 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
|  |  | Mục 4. Phong trào Mặt trận  nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh | Không dạy |
| 10 | Bài 13. Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) | Mục I. Nước Mĩ trong những  năm (1918 -1929) | Không dạy |
| Mục II.1. Cuộc khủng hoảng  kinh tế (1929 - 1933) | Chỉ nêu khái quát cuộc khủng khoảng |
| 11 | Bài 12. Nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939).  Bài 14. Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) | Cả 2 bài 12 và Bài 14 | Tích hợp Bài 12 và Bài 14 thành một bài Đức và Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) với cấu trúc như sau:   1. Nước Đức (1918 - 1939): hướng dẫn HS tìm hiểu về quá trình lên nắm quyền của Đảng Quốc xã và chính sách của Chính phủ Hít-le (1933 - 1939) 2. Nhật Bản (1918 - 1939): hướng dẫn HS tìm hiểu quá trình   quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật Bản |
| 12 | Bài 15. Phong trào cách mạng ở  Trung Quốc và Ấn Độ (1918 - 1939). | Cả bài | Không dạy |
| 13 | Bài 16. Các nước Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939). | Mục I.1. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội  Mục II. Phong trào độc lập dân  tộc ở In-đô-nê-xi-a | Khuyến khích học sinh tự đọc |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
|  |  | Mục IV. Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh ở Mã Lai và Miến Điện  Mục V. Cuộc cách mạng năm  1932 ở Xiêm |  |
| Mục I.2. Khái quát về phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á  Mục III. Phong trào đấu tranh  chống thực dân Pháp ở Lào và Cam-pu-chia | Hướng dẫn HS tìm hiểu những điểm mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á |
| 14 | Bài 17. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) | * Mục II. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và lan rộng ở châu Âu (từ tháng 9-1939 đến tháng 6-1941) * Mục III.Chiến tranh lan rộng khắp thế giới (từ tháng 6-1941 đến tháng 11-1942) * Mục IV. Quân Đồng minh chuyển sang phản công, chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc (từ tháng 11-1942 đến tháng 8-   1945) | Hướng dẫn HS tóm tắt những sự kiện lớn và ý nghĩa của mỗi sự kiện |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| 15 | Bài 19. Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (từ năm 1858 đến trước năm 1873) | Mục I.2. Thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược Việt Nam | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| Bài 20. Chiến sự lan rộng ra cả nước. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta từ năm 1873 đến năm 1884. Nhà Nguyễn đầu hàng | Mục I.1. Tình hình Việt Nam  trước khi Pháp đánh Bắc Kì lần thứ nhất | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| Mục III.1. Quân Pháp tấn công của biển Thuận An | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| Bài 19 và Bài 20 | Cả 2 bài 19 và bài 20 | Tích hợp bài 19 và bài 20 thành chủ đề: Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1858 - 1884). Cấu trúc lại như sau:   1. Tình hình Việt Nam đến giữa thế kỉ XIX 2. Quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1858 - 1884) |
| 16 | Bài 21. Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt | Mục I.2. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương. | Hướng dẫn HS tìm hiểu khái quát về lãnh đạo, địa bàn và kết cục của mỗi giai đoạn |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
|  | Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX | Mục II.1. Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892)  Mục II.2. Khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887)  Mục II.3. Khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896).  Mục II.4. Khởi nghĩa Yên Thế  (1884 - 1913) | Hướng dẫn học sinh chọn những sự kiện tiêu biểu lập bảng thống kê. Tập trung ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896) |
| 17 | Bài 23. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế  giới thứ nhất (1914) | Mục 3. Đông Kinh nghĩa thục. Vụ đầu độc binh sĩ Pháp ở Hà Nội và những hoạt động cuối cùng  của nghĩa quân Yên Thế | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 18 | Bài 24. Việt Nam trong những  năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) | * Mục II. Phong trào đấu tranh vũ trang trong chiến tranh * Mục III.1. Phong trào công nhân | Khuyến khích học sinh tự đọc |

* 1. **Lớp 12**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| 1 | Bài 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế  giới thứ hai (1945 -1949) | Mục III. Sự hình thành hai hệ thống xã hội đối lập | Không dạy |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 2 | Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991) Liên  Bang Nga (1991 - 2000) | - Môc I. 2. Các nước Đông Âu  **-** Mục. I . 3 . Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu   * Mục II.1. Sự khủng khoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô * Mục II. 2. Sự khủng khoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước   Đông Âu | Không dạy |
| 3 | Bài 3. Các nước Đông Bắc Á | - Mục II.1. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 - 1959) | Chỉ cần tập trung vào sự kiện: Sự thành lập và ý nghĩa của sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa |
| - Mục II.2. Trung Quốc những năm không ổn định (1959 -1978) | - Không dạy |
| - Mục II.3. Công cuộc cải cách mở cửa (từ năm 1978) | - Chỉ tập trung vào đường lối, mục tiêu, thành tựu chính |
| 4 | Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ | Mục I.1.b. Lào (1954 – 1975)  Mục I.1.c. Campuchia (1945 – 1993) | - Chỉ tập trung vào các giai đoạn chính của cách mạng Lào và Campuchia |
| Mục I. 2.a. Nhóm năm nước sáng lập ASEAN | - Hướng dẫn HS lập bảng về hai chiến lược phát triển của nhóm năm nước sáng lập ASEAN |
| Mục I. 2.b. Nhóm các nước Đông Dương  Mục I.2.c. Các nước khác ở Đông Nam Á | Không dạy |
| 5 | Bài 5. Các nước châu Phi và Mĩ Latinh | * Mục I.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội. * Mục II.2. Tình hình phát triển kinh tế, xã hội | Không dạy |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 6 | Bài 6. Nước Mĩ | Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn | Không dạy |
| 7 | Bài 7 . Tây Âu | Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn | Không dạy |
| 8 | Bài 8. Nhật Bản | Nội dung chính trị các giai đoạn | Không dạy |
| 9 | Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kỳ Chiến tranh lạnh | Mục II. Sự đối đầu Đông -Tây và các cuộc chiến tranh cục bộ | Không dạy |
| Mục IV. Thế giới sau Chiến tranh lạnh | Tích hợp với phần II bài 11. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000 |
| 10 | Bài 10. Cách mạng khoa học - Công nghệ và xu thế toàn cầu  hoá nửa sau thế kỉ XX | Mục I. 2. Những thành tựu tiêu biểu | Hướng dẫn HS đọc thêm |
| 11 | Bài 12. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925 | Mục I.2 Chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp Mục II.1. Hoạt động của Phan Bội  Châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam sống ở nước ngoài | Khuyến khích học sinh tự đọc Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 12 | Bài 14. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 | Mục III. Phong trào cách mạng trong những năm 1932 - 1935 | Không dạy |
| 13 | Bài 15. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 | Mục I.2.Tình hình trong nước | Chỉ khái quát nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội; không chi  tiết các ngành nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp. |
| Mục II.2. phần b. Đấu tranh nghị trường; c. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí | Hướng dẫn HS đọc thêm |
| 14 | Bài 16. Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 - 1945). Nước  Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời | Mục II.2. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới | Khuyến khích học sinh tự đọc |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 15 | Bài 18. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950) | * Mục II.2.Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài * Mục III.2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn diện | Không dạy |
| 16 | Bài 19. Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951- 1953) | Mục III. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt  Mục IV. Những chiến dịch tiến công giữ vững quyền chủ động trên  chiến trường | Chỉ tập trung sự kiện chính về chính trị, kinh tế Không dạy |
| 17 | Bài 20. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954) | Mục III. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lặp lại hòa bình ở Đông Dương | Tập trung vào nội dung, ý nghĩa, hạn chế của Hiệp định Giơnevơ |
| 18  19 | Bài 21. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965) | Mục II. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954-  1960) | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| - Mục III.1. Đấu tranh chống chế  độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954- 1959) | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| Mục IV.2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965) | Khuyến khích học sinh tự đọc |
|  |  | Mục I.2. Chiến đấu chống chiến  lược ‘‘Chiến tranh cục bộ’’ của Mĩ | Chỉ tập trung vào chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) năm  1965 |
| - Mục I.3. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 | Tập trung vào ý nghĩa cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 20 | Bài 22. Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973) | Mục II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ  nhất của Mĩ, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965-1968) | Không dạy. Tích hợp phần vai trò của hậu phương miền Bắc sang phần IV.2 |
| Mục III.2. Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và Đông Dương hóa chiến tranh của  Mĩ | Không dạy “Đông Dương hóa chiến tranh”  Chỉ tập trung vào thắng lợi về chính trị và ngoại giao |
| Mục III.3. Cuộc tiến công chiến  lược năm 1972 | Chỉ tập trung vào ý nghĩa của Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 |
| - Mục IV.1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội | Không dạy |
| Mục IV.2. Miền Bắc vừa chiến đấu  chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương | Tập trung vào kết quả, ý nghĩa của trận Điện Biên Phủ trên không và vai trò của hậu phương miền Bắc |
| - Mục V. Hiệp định Pari năm 1973  về chấp dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam | Chỉ tập trung vào nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 |
| 21 | Bài 23. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền ở Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975) | * Mục I. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam * Mục II. Miền Nam đấu tranh chống địch bình định – lấn chiếm, tạo thế và lực tiến tới giải phóng   hoàn toàn | * Không dạy * Tập trung vào sự kiện Hội nghị 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chiến thắng Phước Long |
| 22 | Bài 24. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm  1975. | Mục II. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền đất nước | Không dạy |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 23 | Bài 25. Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 -1986). | Mục I. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 -1986) | Khuyến khích học sinh tự đọc |
| 24 | Bài 26. Đất nước trên đường  đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000) | Mục II. Quá trình thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000) | Khuyến khích học sinh tự đọc |